

Số: /BC-UBND

Ninh Sơn, ngày tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính:

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch số 339/KH-UBND ngày 09/12/2021 về cải cách hành chính nhà nước năm 2022, ngoài ra còn ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính năm 2022 như sau:

- Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 về việc ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn huyện Ninh Sơn;

- Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn huyện Ninh Sơn;

- Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 về Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước huyện Ninh Sơn giai đoạn 2021 - 2025 (*thay thế Quyết định số 2546/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước huyện Ninh Sơn giai đoạn 2021 - 2025*).

- Kế hoạch 14/KH-UBND ngày 11/01/2022 về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022;

- Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 25/01/2022 về tuyên truyền cải cách hành chính huyện Ninh Sơn năm 2022;

- Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 31/01/2022 về phát động phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2022;

- Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 22/02/2022 về nâng cao kết quả Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS);

- Kế hoạch 59/KH-UBND ngày 23/02/2022 về nâng cao kết quả cải cách hành chính của huyện (PAR NDEX);

- Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 03/3/2022 của UBND huyện về Duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn năm 2022;

- Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 04/3/2022 của UBND huyện về Phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022;

- Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 19/4/2022 về chuyên đề “công tác cải cách hành chính, nâng cao đạo đức công vụ, ý thức trách nhiệm và tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức”;

- Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 11/5/2022 về tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân trong thực hiện cải cách hành chính, góp phần nâng cao Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI);

- Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 12/5/2022 về khảo sát mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ hành chính công của các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn huyện Ninh Sơn năm 2022;

- Kế hoạch số 349/KH-UBND ngày 21/12/2021 về Xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND huyện và dự thảo Nghị quyết của HĐND huyện do UBND huyện trình trong năm 2022;

- Kế hoạch số 357/KH-UBND ngày 26/12/2021 kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật năm 2022 trên địa bàn huyện Ninh Sơn;

- Công văn số 22/UBND-NV ngày 05/01/2022 về việc tổ chức cho CBCCVN ký cam kết thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2022;

- Công văn số 2988/UBND-NV ngày 10/10/2022 về việc tiếp tục triển khai các giải pháp đẩy mạnh công tác cải cách hành chính năm 2022 trên địa bàn huyện;

- Công văn số 3154/UBND-NV ngày 26/10/2022 về triển khai, thực hiện đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2022.

Đồng thời, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 118/QĐUBND ngày 10/01/2011 về Ban hành Kế hoạch triển khai những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh năm 2022 (gồm 175 nhiệm vụ chủ yếu).

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn huyện đã chủ động triển khai công tác cải cách hành chính năm 2022, như đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước năm 2022, Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính, Kế hoạch phát động phong trào thi đua cải cách hành chính năm 2022 và thực hiện kiểm tra công tác cải cách hành chính theo Kế hoạch.

Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện và hệ thống loa truyền thanh của các xã, thị trấn đã đưa tin về kết quả giải quyết TTHC; tuyên truyền kỷ luật, kỷ cương hành chính; phát động phong trào thi đua thực hiện các kế hoạch cải cách hành chính của huyện. Ngoài ra, việc tuyên truyền được thực hiện thường xuyên và triển khai nhiệm vụ về công tác Cải cách hành chính được thông qua tại các cuộc họp giao ban, họp triển khai các nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

3. Đánh giá về công tác kiểm tra CCHC: Tiến hành kiểm tra công tác trực trong dịp tết các cơ quan, đơn vị; qua kiểm tra cơ bản các cơ quan đơn vị trên địa bàn huyện đều bố trí, sắp xếp các bộ phận trực cơ quan 24/24 để giải quyết công việc liên tục, bảo đảm tốt công tác phục vụ tổ chức, Nhân dân.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC:

1. Cải cách thể chế:

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành 05 Quyết định quy phạm pháp luật gồm: Quyết định số 01/2022/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Nội vụ huyện Ninh Sơn; Quyết định số

02/2022/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Ninh Sơn; Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 11/5/2022 về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện Ninh Sơn; Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Tài Chính - Kế hoạch huyện Ninh Sơn; Quyết định số 05/2022/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Văn hóa và Thông tin.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật đã ban hành Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 17/02/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022 trên địa bàn huyện.

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đã ban hành Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 26/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 trên địa bàn huyện Ninh Sơn.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành Kế hoạch số 349/KH-UBND ngày 21/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về Xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật của UBND huyện và dự thảo Nghị quyết của HĐND huyện do UBND huyện trình trong năm 2022; Kế hoạch số 357/KH-UBND ngày 26/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật năm 2022 trên địa bàn huyện Ninh Sơn; Báo cáo số 21/BC-UBND ngày 11/01/2022 về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2021 trên địa bàn huyện Ninh Sơn.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC):

- Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND huyện về việc ban hành Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn huyện Ninh Sơn; Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2022 trên địa bàn huyện Ninh Sơn nhằm tăng cường hoạt động kiểm soát và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính.

- Việc niêm yết công khai các bộ thủ tục và các quy định hành chính tại các cơ quan, đơn vị, hầu hết đảm bảo kỹ thuật trình bày theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC; Công văn số 16/VPUB-KSTTHC ngày 02/01/2018 của Văn phòng UBND tỉnh về việc Hướng dẫn báo cáo và niêm yết công khai TTHC, nội dung và địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan đến danh mục thủ tục hành chính đã công bố TCVN ISO 9001:2015 phải thực hiện việc cập nhật quy trình giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Ninh Thuận.

- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện thực hiện công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả theo đúng

quy định; việc công khai được thực hiện dưới hình thức niêm yết công khai tại trụ sở và trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện. Thông qua việc công khai các thủ tục hành chính đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc tra cứu, theo dõi và thực hiện thủ tục hành chính được dễ dàng hơn.

- Thực hiện dịch vụ công trực tuyến: Việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đối với lĩnh vực cấp giấy phép kinh doanh, xây dựng và bán lẻ thuốc lá, rượu trên địa bàn huyện đang triển khai từng bước có hiệu quả. Tuy nhiên việc thanh toán điện tử của một số người dân còn hạn chế dẫn đến nhiều hồ sơ được giải quyết chưa thực hiện tròn quy trình dịch vụ công ở mức độ 4.

- Kết quả rà soát, đánh giá: Theo quy định tại khoản 2, Điều 14 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch quy định: “...*Trong trường hợp chứng thực chữ ký của người tiến hành giám định trong văn bản kết luận giám định tư pháp, chứng thực bản sao từ bản chính thì không lưu trữ.*” Thông tư 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch cũng không quy định việc lưu trữ bản sao chứng thực từ bản chính. Tuy nhiên theo khoản 10, Điều 1 Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 2 số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính có quy định như sau: “5. *Kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân được lưu trữ tại Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh để phục vụ việc tích hợp, chia sẻ, tra cứu thông tin, dữ liệu, sử dụng để thực hiện các thủ tục hành chính khác theo quy định của pháp luật*”. Như vậy theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP thì vẫn phải lưu bản sao được chứng thực từ bản chính dưới dạng File điện tử, bất cập với quy định tại Nghị định 23/2015/NĐ-CP.

- Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương (*Tổng số TTHC; chi tiết số lượng TTHC cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và số lượng TTHC thuộc các cơ quan ngành dọc đóng tại địa phương*).

+ Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết thời điểm hiện tại của UBND cấp huyện là: 260 thủ tục.

+ Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết thời điểm hiện tại của UBND cấp xã là: 100 thủ tục.

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

+ Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa: Tiếp tục duy trì thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả tại huyện và 08/08 xã, thị trấn thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông. (*Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần mềm ứng dụng, nhân sự, cơ chế phối hợp, chế độ hỗ trợ cho công chức, viên chức và người lao động*).

+ Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tại các cấp chính quyền ở địa phương:

Cấp huyện: Kết quả thực hiện tiếp nhận và trả kết quả trên phần mềm một cửa điện tử của huyện là: 1.030 hồ sơ (trong đó, có 171 hồ sơ tiếp nhận qua mạng): Trước hạn 719 hồ sơ; đúng hạn 200 hồ sơ; trong hạn 26 hồ sơ; chờ bổ sung 38 hồ sơ; xin rút hồ sơ 47 hồ sơ. Trong đó, trả kết quả qua Bưu chính công ích: 35 hồ sơ.

Cấp xã: Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 60.486 hồ sơ; trong đó:

Số hồ sơ giải quyết trực tiếp: 60.486 hồ sơ, trong đó: Đúng hạn: 58.184; trước hạn: 2.301; quá hạn: 01 (thuộc xã Hòa Sơn và đã có thư xin lỗi).

Số hồ sơ tiếp nhận mức độ 3,4 giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND cấp xã là: 4.595 hồ sơ, trong đó: Đúng hạn: 2.107; trước hạn: 2.353; đang giải quyết: 04; xin rút hồ sơ: 24; quá hạn 107 (thực tế đã trả hồ sơ đúng hạn. Do cán bộ tiếp nhận hồ sơ chưa quen thao tác sử dụng phần mềm hệ thống nên khi kết thúc hệ thống báo chậm).

+ Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: không

+ Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: Triển khai công tác Kiểm soát TTHC theo lộ trình tại Kế hoạch UBND huyện đã ban hành, thực hiện hàng tháng và hàng quý.

3. Cải cách tổ chức bộ máy:

- Tiếp tục tham mưu Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII sau khi có Quyết định của UBND tỉnh.

- Tình hình triển khai thực hiện Quy chế làm việc: Ủy ban nhân dân huyện, các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân huyện và UBND các xã, thị trấn đều đã ban hành Quy chế làm việc của cơ quan đảm bảo nguyên tắc và thẩm quyền theo quy định.

- Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương.

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Công văn số 411/UBND-NV ngày 17/02/2022 về việc tổng rà soát, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ và Công văn số 414/UBND-NV ngày 17/02/2022 về việc tổng rà soát, hoàn thiện Đề án vị trí việc làm các cơ quan hành chính theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ. Đồng thời, Ủy ban nhân dân huyện đã trình UBND tỉnh thẩm định, phê duyệt Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm của các cơ quan hành chính thuộc huyện; thẩm định, phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn huyện.

- Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức: Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định giao biên chế công chức, viên chức, biên chế hội năm 2022 theo quy định; Phân bổ chỉ tiêu thu hồi biên chế sự nghiệp giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn huyện, đảm bảo mục tiêu đến năm 2025 giảm 106 biên chế sự nghiệp.

- Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương: Thực hiện Quy định số 105-QĐ/TW ngày 19/12/2017 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử và Quy định số 30-QĐ/TU ngày 30/12/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; theo đó Ban Thường vụ Huyện ủy, Đảng ủy các xã, thị trấn đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới công tác cán bộ.

4. Cải cách chế độ công vụ:

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025 theo Quyết định số 163/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (bao gồm các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo Đề án 1956 và Đề án 124 của CP); Kế hoạch số 138-KH/HU ngày 07/9/2018 của Huyện ủy Ninh Sơn thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy BCH Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

- UBND huyện đã ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021 - 2025. Ngày 25/01/2022, UBND huyện xây dựng kế hoạch số 28/KH-UBND về Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022.

- Công tác bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử ở các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện theo đúng các quy định của Trung ương và của tỉnh về công tác cán bộ. Ban Thường vụ huyện ủy đã thực hiện thi tuyển 03 chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan chuyên môn (Phó trưởng phòng Văn hóa và Thông tin; Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và chức danh Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện); tổ chức thực hiện quy trình nhân sự trước khi thực hiện quy trình bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo tinh thần Nghị quyết số 26 - NQ/TW ngày 19-5-2018 của Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Kết quả thi tuyển và thực hiện quy trình nhân sự trong công tác cán bộ góp phần đổi mới công tác cán bộ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ và “tăng cường xiết chặt kỷ luật, kỷ cương”, “tạo chuyển biến tích cực, tạo sức bật mới trong công tác cán bộ”.

- Tổng số biên chế công chức, viên chức được giao năm 2022 là 1.211 biên chế, trong đó: Cơ quan chuyên môn 83 biên chế (Biên chế chính thức: 79, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 04); sự nghiệp trực thuộc huyện 55 biên chế (Biên chế chính thức: 52, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 03) và sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 1.073 biên chế (Biên chế chính thức: 1.032, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 41).

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức và số lượng người làm việc có mặt tính đến thời điểm báo cáo (kể cả hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP) là 1.192 người, trong đó:

+ Cơ quan chuyên môn trực thuộc huyện: 79 người, trong đó: 04 người hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (đã chuyển sang thực hiện ký hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP).

+ Đơn vị sự nghiệp trực thuộc huyện: 56 người, trong đó: 02 người hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (đã chuyển sang thực hiện ký hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP) và 09 người hưởng lương từ nguồn thu của đơn vị (của Trung tâm Phát triển quỹ đất).

+ Đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 1.057 người, trong đó: 41 người hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (đã chuyển sang thực hiện ký hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP).

- Toàn huyện có 7 xã và 01 thị trấn/180 biên chế được giao (hiện nay đang thực hiện 171 biên chế, gồm: 84 cán bộ và 87 công chức); 72 người hoạt động không chuyên trách cấp xã, 152 người hoạt động không chuyên trách thôn, khu phố của 61 thôn, khu phố.

- Thực hiện tinh giản biên chế cấp huyện: Trong năm 2022, có 02 trường hợp tinh giản biên chế tại các đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo theo Nghị định số 143/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương.

+ Thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong công sở: Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã nghiêm túc triển khai và thực hiện nhiều biện pháp thiết thực, tạo sự chuyên nghiệp rõ nét trong nhận thức, hành động, tác phong làm việc của cán bộ, công chức góp phần nâng cao năng suất làm việc, hiệu quả quản lý, hoạt động và phục vụ Nhân dân của các cơ quan hành chính trên địa bàn huyện. Các cơ quan, đơn vị của huyện và các xã, thị trấn đã nghiêm túc thực hiện Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ.

+ Nghiêm túc triển khai, thực hiện Công văn số 372/UBND-KTTH ngày 25/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tập trung một số công việc trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022;

+ Tiến hành kiểm tra công tác trực trong dịp tết các cơ quan, đơn vị; qua kiểm tra cơ bản các cơ quan đơn vị trên địa bàn huyện đều bố trí, sắp xếp các bộ phận trực cơ quan 24/24 để giải quyết công việc liên tục, bảo đảm tốt công tác phục vụ tổ chức, Nhân dân.

+ Kết quả có 100% các cơ quan, đơn vị và địa phương tổ chức cho cán bộ, công chức, viên chức đăng ký cam kết thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính.

+ Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: một số cán bộ, công chức, viên chức chưa thực hiện nghiêm túc về giờ giấc làm việc. Tại UBND thị trấn Tân Sơn có 05 trường hợp cán bộ, công chức sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần vi phạm giờ giấc làm việc, đi làm không đúng thời gian quy định.

5. Cải cách tài chính công:

a) Quản lý Ngân sách nhà nước: Để triển khai thực hiện dự toán ngân sách năm 2022, UBND huyện giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách huyện, dự toán thu, chi ngân sách xã, thị trấn, mức bổ sung cho ngân sách xã, thị trấn năm 2022 để trình Ban Thường vụ Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện xem xét cho ý kiến để triển khai thực hiện.

Ủy ban nhân dân huyện ban hành: Quyết định số 3495/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 Về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các phòng, ban ngành, các cơ quan Đảng, đoàn thể, các hội đặc thù thuộc ngân sách cấp huyện; Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 trên địa bàn huyện.

b) Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý tài chính:

Tiếp tục thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan từ huyện đến xã theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước. Đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho các cơ quan, đơn vị đảm bảo công khai, minh bạch đúng các định mức, tiêu chuẩn chế độ tài chính và chức năng, nhiệm vụ được giao để tổ chức hoạt động đạt kết quả cao.

c) Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 24/5/2022 về triển khai thực hiện Chỉ thị số 26-CT/TU ngày 19/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2022.

- Kế hoạch vốn đầu tư công được giao đầu năm là 44.474 triệu đồng.

- Kết quả giải ngân vốn đầu tư công đến thời điểm báo cáo: 34.621 triệu đồng/44.474 triệu đồng, đạt 78%.

d) Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 về việc ban hành quy định về quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn. Đồng thời cập nhật biến động tài sản vào Phần mềm quản lý tài sản công và rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ nhà, đất giữ lại để đưa vào quản lý, sử dụng theo quy định.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (*Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản có liên quan*): Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 10/01/2022 về Giao tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và Quyết định giao tự chủ cho 42 đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số:

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở địa phương: Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 04/3/2022 của UBND huyện về Phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022; Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 11/3/2022 Thực hiện Chương trình hành động số 123-CTr/HU của Ban Thường vụ huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030; Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 19/5/2022 về nâng cao Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT Index) huyện năm 2022.

- Toàn huyện đến ngày 15/11/2022:

+ HĐND huyện đã ban hành 173 văn bản, gồm: 27 Nghị quyết; 37 Báo cáo và 109 văn bản khác (thông báo, Công văn, Tờ trình,..);

+ UBND huyện đã ban hành 3.303 văn bản, gồm: 05 văn bản quy phạm pháp luật, 2.734 Quyết định; 754 Thông báo, 299 Tờ trình, 585 Báo cáo, 362 Kế hoạch và 564 văn bản khác (phương án, biên bản, giấy mời họp...) và tiếp nhận 374 đơn thư các loại.

- Toàn huyện từ ngày 01/01/2022 đến 15/11/2022 có 135.462 văn bản, trong đó: 109.319 văn bản đến và 26.143 văn bản đi.

- Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan đã từng bước cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác của các cơ quan, đơn vị; góp phần phục vụ các tổ chức, cá nhân ngày càng tốt hơn.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực.

Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai công tác cải cách hành chính được thực hiện kịp thời, luôn bám sát kế hoạch cải cách hành chính, cụ thể từng nhiệm vụ giúp các cơ quan hành chính triển khai đúng trọng tâm.

Các thủ tục, quy trình, thời gian giải quyết và việc thu phí, lệ phí được niêm yết công khai đầy đủ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhằm giúp cho tổ chức, công dân hiểu rõ các thủ tục cần thiết, giúp Nhân dân giám sát được việc làm của cán bộ, công chức khi thực hiện nhiệm vụ, giảm bớt phiền hà cho tổ chức, công dân khi đến liên hệ công việc.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân.

Một số cán bộ, công chức, viên chức chưa thực hiện nghiêm túc về giờ giấc làm việc: Tại UBND thị trấn Tân Sơn có 05 trường hợp cán bộ, công chức sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần vi phạm giờ giấc làm việc, đi làm không đúng thời gian quy định. Một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn có văn bản nhắc nhở của UBND

huyện về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục nâng cao chất lượng xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm sự cần thiết, tính hợp lý, hợp pháp và tính khả thi.

2. Tiếp tục thực hiện lộ trình thu hồi biên chế theo kế hoạch của cấp trên.

3. Tăng cường công tác thực hiện các giải pháp nâng cao Chỉ số PAR INDEX; Chỉ số DCCI; Chỉ số PAPI và Chỉ số SIPAS trên địa bàn huyện. Thực hiện gửi thư chúc mừng, thư chia buồn và thư xin lỗi đến tổ chức, người dân.

4. Tiếp tục tham mưu thực hiện Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025; Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 09/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về việc nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn huyện Ninh Sơn. Tăng cường công tác kiểm tra chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp cán bộ, công chức viên chức vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính. Thực hiện tiếp công dân đến phản ánh, khiếu nại, tố cáo và xử lý đơn thư theo đúng trình tự, thủ tục theo Luật định.

5. Tiếp tục duy trì, phát triển Trang thông tin điện tử của huyện bảo đảm cung cấp tất cả các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 phục vụ cho người dân và doanh nghiệp. Hướng dẫn, tuyên truyền cho tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch với cơ quan nhà nước khi thực hiện các dịch vụ hành chính công trên môi trường mạng. Thực hiện nghiêm túc về Chứng thư số và sử dụng Chữ ký số điện tử cho các cơ quan, đơn vị, UBND xã, thị trấn; đồng thời chú trọng việc bố trí lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách theo dõi, phụ trách CNTT tại huyện và địa phương.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Phòng Nội vụ;
- UBND các xã, TT;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Đoàn Văn Hùng

PHỤ LỤC THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện)

PHỤ LỤC 1 – CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC

STT	Chỉ tiêu thông kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thông kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	19	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	100	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	7	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	7	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	14	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4.	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng,			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy (thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)			
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%		
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%		
5.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
5.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
5.4.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
6.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0		
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	200	
6.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
7.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	6	Huyện ủy tổ chức 05 cuộc; UBND huyện tổ chức 01 cuộc.

PHỤ LỤC 2 - CẢI CÁCH THỂ CHẾ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản		
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	05	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	00	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		

PHỤ LỤC 3 - CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	260	
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	100	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	89,22	
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>919/1.030</i>	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	919/1.030	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,99	
3.3.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	60.485/60.486	
3.3.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	58.184/60.486	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
3.4.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	

PHỤ LỤC 4 – CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	03	
1.5.1.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
1.5.2.	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>		
1.5.3.	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	03	
1.5.4.	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	<i>%</i>		
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	79	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	75	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	04	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	02	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	52	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	43	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

PHỤ LỤC 5 – CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	11	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	04	(bao gồm BQL Dự án đầu tư xây dựng)
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	04	03 viên chức từ đơn vị sự nghiệp và 01 sinh viên cử tuyển
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	01	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	71	Viên chức Giáo dục
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	03	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		

PHỤ LỤC 6 – CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	44.474	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	34.621	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>		42	
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	42	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	01	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	03	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>01</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>0</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>02</i>	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	38	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Đơn vị		

PHỤ LỤC 7 – XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%		
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%	100	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện	%	100	
5.2.3.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.4.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	260	
6.4.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	260	
6.4.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	260	
6.5.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	260	
6.5.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	260	
6.5.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
6.6.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	260	
6.6.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	260	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	0	
6.7.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	1.030	
6.7.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	0	
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
6.8.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	25	
6.8.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	23	